

Bản án số: 32 /2019/HS-PT

Ngày 31 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn ;

Ông Trần Văn Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2019/TLPT-HS ngày 14/3/2019, đối với bị cáo Nguyễn Văn D và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M1 và Nguyễn Văn L1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1987 tại xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị L có vợ là Vũ Thị T, đã ly thân và có 02 con sinh đôi 07 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2018 đến ngày 02/7/2018, được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn M1, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1994 tại xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn L1, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1988 tại xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L2 và bà Nguyễn Thị T có vợ là Nguyễn Thị Hồng N và có 01 con 06 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2009 bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, theo Quyết định số 4767/QĐ ngày 17/9/2009 của chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, ngày 21/4/2011 chấp hành xong về địa phương. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2018 đến ngày 02/7/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Lê Mạnh H1, Nguyễn Minh Y, Phạm Văn H2, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đức T3, Nguyễn Hùng C và Nguyễn Thanh T4.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D: Ông Kim Anh L, Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D là người bị khiếm thị mù bẩm sinh, không có nghề nghiệp, công ăn việc làm và thu nhập ổn định nên D đã nảy sinh ý định tổ chức cho các đối tượng đánh bạc để thu tiền phí (gọi là tiền hồ). Do D đang có sẵn một chiếc lán dựng ở địa bờ đầm C thuộc thôn A, xã S nên chiều ngày 22/6/2018 D đã đi mua 01 tấm nỉ màu đỏ xanh và 30 chiếc ghế nhựa (loại ghế đầu) với mục đích đến chiều ngày 23/6/2018 D sẽ tổ chức đánh bạc tại đây. Đến sáng ngày 23/6/2018 D đi ra các quán bán hàng nước ven đường 310B, gần khu vực cầu đường sắt thuộc thôn N, xã S, D thông báo cho một số người đang ngồi uống nước ở đây biết chiều ngày 23/6/2018 D sẽ tổ chức đánh bạc xóc đĩa tại lán bờ đầm C thuộc thôn A để mọi người đến đánh bạc. Sau đó đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày D gọi điện thoại cho Nguyễn Văn M1 là người quen với D, rủ M1 đến lán địa bờ đầm C làm hồ lý phục vụ các đối tượng đánh bạc và thu tiền hồ của các đối tượng đánh bạc xóc đĩa giúp cho D, sau khi đánh bạc xong D sẽ trả cho M1 300.000 đồng tiền công. M1 đồng ý rồi gọi điện thoại cho Nguyễn Hùng C là người quen với M1 đến để đánh bạc. Sau khi D gọi điện cho M1, do

mắt bị khiếm thị không thể tự đi được nên khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/6/2018 D mang theo 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếc kéo cắt giấy, 01 chiếc máy bộ đàm và một số quân bài chắn nhờ Nguyễn Thị B là anh em họ hàng ở cạnh nhà D đưa ra lán rìa bờ đầm C để D tổ chức đánh bạc, khi nhờ B D không nói cho B biết mục đích của D nên B đã đưa D ra đó, khi ra đến nơi D kiểm tra thấy có khoảng hơn 10 người đã ngồi sẵn ở đó D để bát, đĩa, quân chắn, kéo xuống tấm nỉ, đồng thời lúc này M1 đến nên D bảo mọi người tham gia đánh bạc, các đối tượng đến đánh bạc nghe D nói như vậy đã tự cắt 04 quân xóc đĩa bằng quân bài chắn do D mang đến, các đối tượng tự thống nhất đánh bạc với hình thức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền, mức đặt cửa thấp nhất là 100.000đồng/ván, cao nhất không giới hạn và thống nhất cho một đối tượng tên là M2 là người đến đánh bạc, hiện chưa rõ danh tính dùng bát, đĩa, quân vị ngồi ở đầu hai hàng xóc cái để các đối tượng đánh bạc. Cách chơi là người xóc cái ngồi ở đầu, các đối tượng đánh bạc ngồi trên tấm nỉ và ghế nhựa thành 02 hàng, hàng bên tay phải người xóc cái là bên chắn, hàng bên tay trái người xóc cái là bên lẻ. Mỗi ván bạc người đánh bạc đặt tiền cược ở vị trí trước chỗ ngồi sau đó người xóc cái xóc rồi mở bát, khi mở bát nếu có 1 hoặc 3 quân vị cùng màu thì người đặt cửa bên lẻ được tiền của người xóc cái trả bằng với số tiền cược đã đặt ở cửa, còn những người đặt cược ở bên chắn sẽ phải trả tiền đã đặt ở cửa cho người xóc cái và nếu mở bát có 2 hoặc 4 quân vị cùng màu thì người đặt cửa bên chắn được tiền của người xóc cái trả bằng với số tiền cược đã đặt ở cửa, còn những người đặt cược ở bên lẻ sẽ phải trả tiền đã đặt ở cửa cho người xóc cái, nếu ván bạc nào có người mua cái của người xóc cái thì ván đó người mua cái phải trả tiền cho bên thắng và lấy tiền của bên thua. Khoảng 14 giờ cùng ngày các đối tượng bắt đầu đánh bạc, trong có đó có Nguyễn Hùng C tham gia và lúc này D phân công M1 phục vụ các đối tượng đánh bạc là làm hồ lý lấy tiền của bên thua trả cho bên thắng, các đối tượng đánh bạc đến khoảng hơn 14h Nguyễn Văn L1 biết được các đối tượng đang đánh bạc nên đã gọi điện rủ Nguyễn Minh Y và Nguyễn Thanh T4 cùng đi đánh bạc, khi L1, Y, T4 đi đến khu vực thôn A, xã S, lúc này có 02 người nam giới không rõ danh tính đi xe mô tô đến bảo Y và T4 đưa điện thoại cho họ giữ, sau đó 02 người này đưa L1, Y, T4 vào nơi đánh bạc để L1, Y, T4 tham gia đánh bạc. Khoảng hơn 15h có Nguyễn Đức T3, Lê Mạnh H1, Nguyễn Văn T2 và Phạm Văn H2 đến cùng tham gia đánh bạc. D yêu cầu các đối tượng tham gia đánh bạc phải nộp tiền hồ mỗi người từ 50.000đồng đến 300.000đồng và D bảo M1 cùng D thu tiền hồ của các đối tượng đánh bạc, M1 đã thu được khoảng 700.000đồng đưa cho D, còn D cầm bộ đàm ngồi cạnh đó

canh gác và trực tiếp thu tiền hồ của khoảng 8 người. Các đối tượng đánh bạc liên tục đến khoảng 16 giờ 20 phút ngày 23/6/2018 thì bị phòng PC45, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện, bắt quả tang. Khi bắt giữ các đối tượng bỏ chạy, chỉ bắt được Phạm Văn H2, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn D, Nguyễn M2 Y, Nguyễn Đức T3, Lê Mạnh H1, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Hùng C, Nguyễn Thanh T4, còn Nguyễn Văn M1 cùng một số đối tượng khác bỏ chạy nên Công an không bắt giữ được.

Vật chứng thu giữ gồm:

Thu giữ tại vị trí đánh bạc: Số tiền 16.850.000 đồng, 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ có hoa văn màu xanh, 04 quân vị xóc đĩa hình tròn, 01 thảm nỉ màu đỏ xanh, 30 chiếc ghế nhựa (loại ghế đầu), 01 bộ đàm màu đen, 01 bản vị.

Tạm giữ của Nguyễn Văn L1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 88, màu vàng, số imei: 358645015250665 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5s, số imei: 351981064625961; Nguyễn Văn D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy J7, số imei: 352810/09/023330; Nguyễn Đức T301 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6s, màu vàng số IC: 579C - E2946A, 01 điện thoại di động nhãn hiệu masstel, màu xanh, số imei1: 352120088969282, imei2: 352120088969290.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Khi tham gia đánh bạc Nguyễn Văn L1 có khoảng 8.000.000 đồng, Nguyễn Minh Y có khoảng 3.800.000 đồng, Phạm Văn H2 có khoảng 3.000.000 đồng, Nguyễn Văn T2 có 2.500.000 đồng; Nguyễn Hùng C có 1.200.000 đồng, Nguyễn Đức T3 có khoảng 1.600.000 đồng, số tiền này các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc và được các bị cáo để dưới thảm nỉ đã bị Công an thu giữ toàn bộ số tiền trên. Lê Mạnh H1 có khoảng 1.200.000 đồng và Nguyễn Thanh T4 có khoảng 700.000 đồng các bị cáo dùng tất để đánh bạc, đã bị thua hết và đang ngồi xem. Tổng số tiền các bị cáo khai nhận dùng vào đánh bạc là 22.000.000 đồng nhưng thực tế Cơ quan điều tra chỉ thu giữ được 16.850.000 đồng.

Sau khi bỏ chạy, đến ngày 12/7/2018 Nguyễn Văn M1 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Vĩnh Phúc đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Căn cứ khoản 1 Điều 322; các điểm p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự Xử phạt: Nguyễn Văn D 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Căn cứ khoản

1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Văn M1 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù.

Tuyên bố cáo Nguyễn Văn L1 phạm tội “Đánh bạc”. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Văn L1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn xử phạt Lê Mạnh H1 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng; Nguyễn Minh Y 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm; Phạm Văn H2 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm; Nguyễn Văn T2 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm; Nguyễn Đức T3 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (T2) tháng; Nguyễn H1 C10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (T2) tháng; Nguyễn Thanh T4 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng; tuyên về hình phạt bổ sung, án phí, xử lý vật chứng, tài sản bị thu giữ, tuyên quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/01/2019 bị Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M1 và Nguyễn Văn L1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo D, M1 và L1 đều xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù, Nguyễn Văn M1 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù tội “Tổ chức đánh bạc”, Nguyễn Văn L1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc” là phù hợp. Tuy nhiên, D là người khuyết tật, M1 tham gia với vai trò giúp sức cho D, phạm tội với vai trò thứ yếu nên cũng nên cho các bị cáo được hưởng án treo. Trong vụ án này có bị cáo H1 và T2 trước đây đã từng bị kết án (đã được xóa án) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa chính xác và cho bị cáo H1, T2 được hưởng án treo tạo nên sự không công bằng, không khách quan với những đồng phạm khác như L1. Sau khi xét xử sơ thẩm L1 đã tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung tại Chi cục Thi hành án B, thể hiện thực sự ăn năn hối cải. Do đó, cũng nên cho bị cáo L1 được hưởng án treo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; sửa

bản án sơ thẩm, giữ nguyên về hình phạt và cho hưởng án treo đối với các bị cáo D, M1 và L1.

Căn cứ khoản 1 Điều 322; các điểm p, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn D 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 08 (T2) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn M1 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 08 (T2) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn L1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không đề nghị xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo D phát biểu quan điểm: Bị cáo nhất thời phạm tội do hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, vợ chồng bị cáo sống ly thân từ năm 2011, bị cáo nuôi hai con nhỏ 8 tuổi. Là người khuyết tật nặng rất cần sự khoan dung, giúp đỡ của gia đình và xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm dưới sự giám sát của địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Qua xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 23/6/2018 tại khu vực bờ đầm C thuộc thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; D, M1 đã tổ chức cho L1, H1, Y, H2, T2, T3, C và T4 đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền; D đã trực tiếp thu tiền hồ của một số bị cáo và phân công M1 thu tiền hồ và làm hồ lý cho các bị cáo tham gia đánh bạc; các bị cáo chơi đến

khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Công an huyện B bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng. Tổng số tiền các bị cáo dùng để tham gia đánh bạc là 16.850.000đồng.

[3] Xét kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của D, M1 và L1 thì thấy:

[3.1] Đối với Nguyễn Văn D là người khuyết tật, mặc dù hoàn cảnh kinh tế và việc tự sinh hoạt hằng ngày khó khăn nhưng không khắc phục khó khăn để vươn lên, đi vào con đường phạm pháp. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù là phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng để một người khuyết tật nặng như bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam là cũng chưa thực sự quan tâm đến chính sách đối với người khuyết tật nặng nên mở L khoan hồng cho bị cáo, giữ nguyên hình phạt nhưng cho bị cáo được cải tạo tại địa P có sự giám sát của chính quyền thì phù hợp hơn cũng đủ giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[3.2] Đối với Nguyễn Văn M1 là đồng phạm của D. M1 có hai tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và một tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ. Song M1 thực hiện tội phạm với vai thứ yếu dưới sự chỉ đạo của D, cũng nên giữ nguyên hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo được hưởng án treo như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội

[3.3] Đối với Nguyễn Văn L1 được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và cũng đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ, hình phạt cấp sơ thẩm đã tuY 01 năm 03 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp. Sau khi xét xử L1 đã nộp tiền phạt bổ sung tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, chứng tỏ bị cáo thực sự ăn năn hối cải. Tuy nhiên trong vụ án này có hai bị cáo khác là Lê Mạnh H1, Nguyễn Văn T2 đã từng bị Tòa án kết án (H1 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang xử phạt 8.000.000 đồng về tội đánh bạc tại Bản án số 19/2016/HSST ngày 29/7/2016, đã chấp hành xong bản án ngày 27/9/2016; T2 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” Bản án hình sự sơ thẩm số 13/HSST ngày 16/4/1997, đã chấp hành xong bản án năm 1998) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn áp dụng cho hai bị cáo này tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa chính xác và cho bị cáo H1, T2 được hưởng án treo tạo nên sự không công bằng khách quan với những đồng phạm khác như L1, Hội đồng xét xử đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm trong công tác xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng quan điểm đề xuất của đại diện Kiểm sát viên về việc cho bị cáo L1 hưởng án treo là phù hợp với vai trò của bị cáo trong vụ án nên chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M11 và Nguyễn Văn L1. Sửa bản án sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 322; các điểm p, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt Nguyễn Văn D 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 08 (T2) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt Nguyễn Văn M11 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 08 (T2) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn M11 cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt Nguyễn Văn L1 01

(một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L1 cho Ủy ban nhân dân xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

5. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M11 và Nguyễn Văn L1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Vĩnh Thành

